

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y  
TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ  
đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y  
TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ  
đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### **Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:**

- Sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản;
- Kinh doanh thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (trừ hoạt động thú y);
- Dự trữ quốc gia về thú y, thú y thủy sản.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trầm Tuấn Khanh	Chủ tịch	(bổ nhiệm từ 04/5/2021)
Ông Phạm Quang Thái	Chủ tịch	(miễn nhiệm từ 04/5/2021)
Ông Phạm Quang Thái	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm từ 04/5/2021)
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó Chủ tịch	(miễn nhiệm từ 04/5/2021)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Quang Thái	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm từ 04/5/2021)
Ông Trần Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Mạnh Lân	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Huân	Phó Tổng Giám đốc	

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Mi Sa	Trưởng ban
Bà Lê Trần Thanh Trâm	Thành viên
Bà Tống Thị Ngọc Nga	Thành viên

#### **Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**PHẠM QUANG THÁI**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 10 tháng 8 năm 2021

Số: 231/2021/DFK - BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi** Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2021, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco tại ngày 30/6/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN  
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0182-2018-042-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

**MẪU B01a - DN**

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>415.683.788.894</b>	<b>458.995.879.042</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>65.707.566.032</b>	<b>105.763.143.483</b>
1. Tiền	111		35.707.566.032	17.763.143.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	88.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>147.514.385.301</b>	<b>118.178.968.865</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	99.031.866.220	88.978.308.053
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	26.858.532.032	20.107.862.429
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	22.508.948.796	10.092.860.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(884.961.747)	(1.000.062.087)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.06	<b>194.024.483.124</b>	<b>231.308.297.526</b>
1. Hàng tồn kho	141		194.024.483.124	231.308.297.526
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>8.437.354.437</b>	<b>3.745.469.168</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.642.471.007	1.378.474.365
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.13b	2.701.449.948	2.333.010.803
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	3.093.433.482	33.984.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>447.963.502.824</b>	<b>464.428.237.294</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>2.419.187.232</b>	<b>2.419.187.232</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2.419.187.232	2.419.187.232
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>204.624.843.710</b>	<b>223.711.299.904</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	204.624.843.710	223.711.299.904
- Nguyên giá	222		529.000.887.772	521.809.292.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(324.376.044.062)	(298.097.992.851)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	-
- Nguyên giá	228		222.818.390	222.818.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.818.390)	(222.818.390)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>25.878.419.123</b>	<b>25.915.335.123</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	25.878.419.123	25.915.335.123
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.10	<b>201.500.000.000</b>	<b>201.500.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		201.500.000.000	201.500.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>13.541.052.759</b>	<b>10.882.415.035</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	13.541.052.759	10.882.415.035
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>863.647.291.718</b>	<b>923.424.116.336</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B01a - DN

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>519.556.351.207</b>	<b>592.397.623.564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>318.056.351.207</b>	<b>390.897.623.564</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	58.479.217.303	58.174.205.330
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.500.818.629	2.219.245.102
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	-	4.040.418.618
4. Phải trả người lao động	314		-	2.678.210.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	53.623.192.569	42.912.519.071
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	193.708.088.867	250.469.722.652
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	10.982.560.265	30.656.151.650
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	(1.237.526.426)	(252.848.859)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>201.500.000.000</b>	<b>201.500.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	201.500.000.000	201.500.000.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.19</b>	<b>344.090.940.511</b>	<b>331.026.492.772</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>321.021.766.812</b>	<b>307.744.153.073</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		124.168.452.754	129.267.722.889
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.853.314.058	18.476.430.184
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.505.636.452	15.130.972.873
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.347.677.606	3.345.457.311
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>V.20</b>	<b>23.069.173.699</b>	<b>23.282.339.699</b>
1. Nguồn kinh phí	431		21.923.548.699	21.960.464.699
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.145.625.000	1.321.875.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>863.647.291.718</b>	<b>923.424.116.336</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đỗ Thị Hải Thanh  
Người lập biểu  
Ngày 10 tháng 8 năm 2021



Nguyễn Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Phạm Quang Thái  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2021

MẪU B02a - DN

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	219.743.705.307	303.087.906.206
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		92.500.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		219.651.205.307	303.087.906.206
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	155.491.179.955	183.521.562.791
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.160.025.352	119.566.343.415
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	982.978.965	2.376.994.196
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.516.324.185	1.456.516.597
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	8.029.885.918	52.642.632.814
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	24.066.344.977	22.711.619.691
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.530.449.237	45.132.568.509
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	2.500.845.978	2.117.577.361
12.	Chi phí khác	32	VI.08	3.500.000	16.000.000
13.	Lợi nhuận khác	40		2.497.345.978	2.101.577.361
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.027.795.215	47.234.145.870
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	6.805.559.043	9.450.029.174
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.222.236.172	37.784.116.696
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.334	2.367
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.334	2.367

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Đỗ Thị Hải Thanh

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2021

Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng

Phạm Quang Thái

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2021

MẪU B03a - DN

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	34.027.795.215	47.234.145.870
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.057.719.692	26.260.649.768
Các khoản dự phòng	03	(19.788.691.725)	17.682.991.920
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	86.547.841	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(722.175.684)	(2.446.521.677)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	40.661.195.339	88.731.265.881
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(32.648.204.723)	(61.243.475.801)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	37.283.814.402	(65.861.581.794)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(57.278.648.264)	(28.650.509.654)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(3.922.634.366)	1.444.478.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.766.594.424)	(10.862.113.136)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.929.300.000)	(8.562.870.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(32.600.372.036)	(85.004.805.923)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(8.240.038.742)	(25.241.496.817)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác	22	118.181.818	468.636.364
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	696.519.110	1.977.885.313
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(7.425.337.814)	(22.794.975.140)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(291.270.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	(291.270.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	(40.025.709.850)	(108.091.051.063)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	105.763.143.483	162.628.008.392
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(29.867.601)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	65.707.566.032	54.536.957.329

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



**Đỗ Thị Hải Thanh**

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2021



**Nguyễn Thị Kim Lan**

Kế toán trưởng



**Phạm Quang Thái**

Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 7 ngày 07/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp..

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là VET kể từ ngày 18/5/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2017/GCNCP-VSD ngày 17/5/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ số 164 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0300600417-001;
- Chi nhánh Bình Dương tại Lô 205 đường số 6 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số doanh nghiệp: 0300600417-003;
- Chi nhánh miền Tây tại địa chỉ số 23A, Nguyễn Đệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, mã số doanh nghiệp: 0300600417-004.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại – Sản xuất.

**3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản;
- Kinh doanh thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (trừ hoạt động thú y);
- Dự trữ quốc gia về thú y, thú y thủy sản.

**4. Số lượng nhân viên của Công ty: tại ngày 30/6/2021 là 312 người.**

**II. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

*Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán, công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

*Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:*

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Dự phòng cho hàng tồn kho***

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị, dụng cụ	05 – 06
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**10. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

***Phân chia lợi nhuận:***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông:

***Quỹ đầu tư và phát triển:*** Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

***Quỹ khen thưởng, phúc lợi:*** Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

**13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

**14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**15. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận cận gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**17. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**18. Công cụ tài chính**

***Tài sản tài chính***

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.609.769.715	2.270.633.447
Tiền gửi ngân hàng	32.097.796.317	15.492.510.036
Các khoản tương đương tiền	(1.1) 30.000.000.000	88.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.707.566.032</b>	<b>105.763.143.483</b>

(1.1) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng ở Việt Nam.

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% số dư phải thu khách hàng)	99.031.866.220	88.978.308.053
<b>Cộng</b>	<b>99.031.866.220</b>	<b>88.978.308.053</b>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP Quốc tế Đông Dương	14.676.265.098	6.522.784.488
- C - PHARMACHEM Co. Ltd.	4.237.889.400	-
- Công ty CP Xây lắp Nhà vui	-	4.286.317.558
- Công ty TNHH TM Chính Quang	-	3.043.590.000
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	7.944.377.534	6.255.170.383
<b>Cộng</b>	<b>26.858.532.032</b>	<b>20.107.862.429</b>

4. Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Khoản thu hàng hóa cho Khách hàng mượn	10.620.175.237	7.927.786.948
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	4.512.150.000	975.782.000
- Ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam	7.264.472.797	1.060.637.940
- Ký quỹ ngắn hạn khác	100.656.000	117.656.000
- Bảo hiểm xã hội, y tế nộp thừa	11.494.762	10.997.582
<b>Cộng</b>	<b>22.508.948.796</b>	<b>10.092.860.470</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Ký quỹ dài hạn khác	2.419.187.232	2.419.187.232
<b>Cộng</b>	<b>2.419.187.232</b>	<b>2.419.187.232</b>

**5. Nợ xấu**

Nợ xấu của Công ty chủ yếu từ các khoản phải thu thương mại đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên.

Đối tượng nợ	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các đối tượng khác (nợ quá hạn chiếm dưới 10% tổng nợ quá hạn)	921.572.345	36.610.598	1.088.768.621	88.706.534
<b>Cộng</b>	<b>921.572.345</b>	<b>36.610.598</b>	<b>1.088.768.621</b>	<b>88.706.534</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	- Số dư đầu năm	(1.000.062.087)
- Hoàn nhập dự phòng	115.100.340	3.699.338.861
- Số dư cuối kỳ	<b>(884.961.747)</b>	<b>(5.802.662.302)</b>

  

6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	105.792.283.867	-	131.909.946.807	-
- Công cụ dụng cụ	1.079.220.877	-	1.375.342.536	-
- Chi phí sản xuất dở dang	4.430.478.921	-	10.933.529.866	-
- Thành phẩm	53.235.665.970	-	70.929.281.462	-
- Hàng hóa	29.486.833.489	-	16.160.196.855	-
<b>Cộng</b>	<b>194.024.483.124</b>	<b>-</b>	<b>231.308.297.526</b>	<b>-</b>

  

7. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nhà cửa, vật kiến trúc	179.847.507.438	-	-	179.847.507.438
Máy móc, thiết bị	299.734.846.766	8.240.038.742	215.716.452	307.759.169.056
Phương tiện vận tải	42.226.938.551	-	832.727.273	41.394.211.278
<b>Cộng</b>	<b>521.809.292.755</b>	<b>8.240.038.742</b>	<b>1.048.443.725</b>	<b>529.000.887.772</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	68.161.652.946	8.774.498.058	-	76.936.151.004
Máy móc, thiết bị	203.085.396.658	16.103.844.871	215.716.452	218.973.525.077
Phương tiện vận tải	26.850.943.247	2.355.626.763	740.202.029	28.466.367.981
<b>Cộng</b>	<b>298.097.992.851</b>	<b>27.233.969.692</b>	<b>955.918.481</b>	<b>324.376.044.062</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	111.685.854.492			102.911.356.434
Máy móc, thiết bị	96.649.450.108			88.785.643.979
Phương tiện vận tải	15.375.995.304			12.927.843.297
<b>Cộng</b>	<b>223.711.299.904</b>			<b>204.624.843.710</b>

Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ do mua sắm mới và từ xây dựng cơ bản; giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 139.417.434.450 đồng.

Khấu hao tài sản cố định 6 tháng đầu năm 2021 được trích vào chi phí là 27.057.719.692 đồng và trích từ nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ là 176.250.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

8. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
<b>Cộng</b>	<b>222.818.390</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>222.818.390</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
<b>Cộng</b>	<b>222.818.390</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>222.818.390</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Phần mềm	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 222.818.390 đồng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	3.671.310.000	3.671.310.000
Chi phí xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia	22.207.109.123	22.244.025.123
<b>Cộng</b>	<b>25.878.419.123</b>	<b>25.915.335.123</b>

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>						
Bảo Trí Invest	82.680.000.000	82.680.000.000	-	82.680.000.000	82.680.000.000	-
NDC An Khang	118.820.000.000	118.820.000.000	-	118.820.000.000	118.820.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>201.500.000.000</b>	<b>201.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>201.500.000.000</b>	<b>201.500.000.000</b>	<b>-</b>

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest theo hợp đồng góp vốn ngày 20/12/2018. Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0315356391 ngày 14/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 2.326.110.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 82.680.000.000 đồng, tương ứng 82.680 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 3,55% vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần NDC An Khang theo hợp đồng góp vốn ngày 17/4/2018. Công ty Cổ phần NDC An Khang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0314776107 ngày 07/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 2.861.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 118.820.000.000 đồng, tương ứng 118.820 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 4,15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần NDC An Khang.

Căn cứ Hợp đồng số 2017/HĐ/HL-PT-NVC ngày 14/12/2017 giữa ba Cổ đông cùng góp vốn là: Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương Navetco, Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm và Công ty TNHH Đầu tư Phú Trí, sau khi Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương Navetco hoàn tất nhận khoản cổ tức một lần theo cổ phần ưu đãi cổ tức loại A từ Công ty CP Đầu tư và TM An Khang (nay là Công ty Bảo Trí Invest) và Công ty CP Đầu tư và TM An Bảo Thịnh (nay là Công ty NDC An Khang) thì sẽ không còn bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến hiệu quả kinh doanh của Công ty Bảo Trí Invest và Công ty NDC An Khang kể từ năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	26.144.849	82.476.360
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	2.616.326.158	1.295.998.005
<b>Cộng</b>	<b>2.642.471.007</b>	<b>1.378.474.365</b>
b) Dài hạn		
- Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp VSIP (11.1)	4.186.531.055	4.278.306.689
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	9.354.521.704	6.604.108.346
<b>Cộng</b>	<b>13.541.052.759</b>	<b>10.882.415.035</b>

(11.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ngày 28/5/2008, diện tích thuê 12.900 m<sup>2</sup> đất tại lô số 205 Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; thời hạn thuê đất đến ngày 18/7/2048. Tổng giá trị tiền thuê đã thanh toán là 7.525.602.000 đồng, thời gian phân bổ tiền thuê là 40 năm.

12. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
- BOEHRINGER INGELHEIM ANIMAL HEALTH FRANCE (trước đây là Merial SAS)	19.191.912.000	19.191.912.000	45.225.327.220	45.225.327.220
- Công ty CP Thuốc Thú Y RTD	7.250.000.000	7.250.000.000	-	-
- Công ty CP kinh doanh Thuốc Thú Y Amavet	5.746.749.800	5.746.749.800	-	-
- Công ty CP Dược và Vật tư Thú y	4.664.378.740	4.664.378.740	577.920.000	577.920.000
- Công ty CP Thuốc Thú Y Trung ương Vetvaco	1.860.402.543	1.860.402.543	6.572.383.953	6.572.383.953
- Các nhà cung cấp khác	19.765.774.220	19.765.774.220	5.798.574.157	5.798.574.157
<b>Cộng</b>	<b>58.479.217.303</b>	<b>58.479.217.303</b>	<b>58.174.205.330</b>	<b>58.174.205.330</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước**

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	- Thuế nhập khẩu	-	941.349.082	941.349.082
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.594.424	6.805.559.043	7.172.153.467	-
- Thuế thu nhập cá nhân	3.673.824.194	1.258.965.276	4.932.789.470	-
- Thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.040.418.618</b>	<b>9.011.873.401</b>	<b>13.052.292.019</b>	<b>-</b>
b) Phải thu				
- Thuế GTGT được khấu trừ	2.333.010.803	8.959.579.112	9.328.018.257	2.701.449.948
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33.984.000	2.464.809.657	2.430.825.657	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	498.992.525	498.992.525
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.594.440.957	2.594.440.957
<b>Cộng</b>	<b>2.366.994.803</b>	<b>11.424.388.769</b>	<b>14.852.277.396</b>	<b>5.794.883.430</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

*Đơn vị tính: VND*

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước bán hàng hóa (*)		
- Các khách hàng khác (dưới 10% số dư doanh thu chưa thực hiện)	53.623.192.569	42.912.519.071
<b>Cộng</b>	<b>53.623.192.569</b>	<b>42.912.519.071</b>

(\*) Đây là khoản doanh thu nhận trước mà các khách hàng đặt mua thuốc thú y theo kế hoạch, dự toán cho kỳ sau. Số lượng thuốc tương ứng sẽ được bảo quản tại kho (kho đặc thù bảo quản thuốc) của Công ty. Công ty sẽ ghi nhận doanh thu thực hiện khi hàng hóa đã xuất kho và giao cho khách hàng.

15. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	2.368.747.776	2.231.329.436
- Giá trị hàng hóa mượn của khách hàng (15.2)	122.498.675.318	187.397.727.443
- Cổ tức còn phải trả	40.000.000.000	32.000.000.000
- Phải trả khác cho Công ty Merial SAS (15.1)	22.033.765.981	22.033.765.981
- Phải trả tiền thưởng, hoa hồng cho các đại lý	1.433.250.000	1.433.250.000
- Phải trả phí dự trữ quốc gia	1.420.158.042	1.420.158.042
- Các khoản phải trả khác	3.953.491.750	3.953.491.750
<b>Cộng</b>	<b>193.708.088.867</b>	<b>250.469.722.652</b>

(15.1) Tiền hỗ trợ chi phí marketing nhận được từ Merial SAS nhằm hỗ trợ Công ty CP Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco duy trì và phát triển nhãn hiệu vắc-xin của Merial SAS theo Thỏa thuận cung cấp, bản quyền và phân phối ngày 26/9/2018.

(15.2) Chi tiết Giá trị hàng hóa mượn của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kho Dự trữ Quốc gia	-	104.278.046.925
- Các khách hàng khác	122.498.675.318	83.119.680.518
<b>Cộng</b>	<b>122.498.675.318</b>	<b>187.397.727.443</b>

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<i>Dự phòng phải trả cho việc bảo hành sản phẩm, hàng hóa</i>		
Số dư đầu năm	30.656.151.650	44.685.660.108
Tăng do trích dự phòng	-	15.154.395.000
Giảm do hoàn nhập trích dự	(19.673.591.385)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.982.560.265</b>	<b>59.840.055.108</b>

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Số dư đầu năm	(252.848.859)	(1.155.592.137)
Tăng do trích quỹ bổ sung năm trước	70.063.867	4.214.829.240
Tăng do tạm trích quỹ kỳ này	5.874.558.566	-
Giảm do chi quỹ	(6.929.300.000)	(8.562.870.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(1.237.526.426)</b>	<b>(5.503.632.897)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số đầu năm	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
- Vay từ Công ty Hoa Lâm	201.500.000.000	-	-	201.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>201.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>201.500.000.000</b>

Vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-HL/2011 ngày 08/4/2011 và phụ lục số 01 ngày 28/3/2015 với mục đích đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án Khu trung tâm thương mại và căn hộ tại số 29 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Số tiền vay là 201,5 tỷ; lãi suất cho vay cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2021 là 0%. Nợ gốc từng kỳ được hoàn trả khi bên vay nhận được cổ tức từ Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang cho đến khi hết nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 82.680 cổ phiếu của Công ty CP Bảo Trí Invest và 118.820 cổ phiếu của Công ty CP NDC An Khang mà bên vay nắm giữ hoặc sở hữu.

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/6/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Cổ phiếu quỹ	(190.190.000)	(291.270.000)	-	(481.460.000)
- Quỹ Đầu tư phát triển	98.495.922.518	8.917.785.507	-	107.413.708.025
- LNST chưa phân phối	40.990.827.620	37.784.116.696	25.921.174.747	52.853.769.569
<b>Cộng</b>	<b>299.296.560.138</b>	<b>46.410.632.203</b>	<b>25.921.174.747</b>	<b>319.786.017.594</b>
	01/01/2021	Tăng	Giảm	30/6/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	129.267.722.889	-	5.099.270.135	124.168.452.754
- LNST chưa phân phối	18.476.430.184	27.222.236.172	8.845.352.298	36.853.314.058
<b>Cộng</b>	<b>307.744.153.073</b>	<b>27.222.236.172</b>	<b>13.944.622.433</b>	<b>321.021.766.812</b>

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>b) Lợi nhuận chưa phân phối</b>		
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	18.476.430.184	40.990.827.620
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	27.222.236.172	37.784.116.696
- Tạm trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi kỳ này	(5.874.558.566)	-
- Chia bổ sung cổ tức năm trước cho cổ đông	(8.000.000.000)	(12.788.560.000)
- Trích bổ sung/hoàn nhập quỹ Đầu tư và phát triển năm trước	5.099.270.135	(8.917.785.507)
- Trích bổ sung quỹ Khen thưởng và phúc lợi năm trước	(70.063.867)	(4.214.829.240)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>36.853.314.058</b>	<b>52.853.769.569</b>
	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>c) Cổ tức</b>		
- Cổ tức năm trước đã công bố trong Đại hội đồng cổ đông	40.000.000.000	44.698.640.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

- d) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 160.000.000.000 đồng tương đương 16.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

20. Nguồn kinh phí	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí	(20.1) 21.923.548.699	21.960.464.699
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	(20.2) 1.145.625.000	1.321.875.000
<b>Cộng</b>	<b>23.069.173.699</b>	<b>23.282.339.699</b>

(20.1) Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách Nhà nước cho việc thực hiện các dự án sau:

- Dự án “Xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia” tại số 28, Đường số 6, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Quyết định đầu tư số 1425/QĐ-BNN-XD ngày 25/6/2014 với tổng mức đầu tư được duyệt là 27.733.649.000 đồng. Đến ngày 30/6/2021, Kho bạc Nhà nước đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 21.923.548.699 đồng.

(20.2) Mua tài sản cố định để phục vụ dự án “Hoàn thiện quy trình sản xuất vắc-xin vô hoạt nhũ dầu quy mô công nghiệp phòng bệnh cúm A/H5N1 cho gia cầm do các biến chủng mới gây ra tại Việt Nam” với số tiền là 2.115.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2021, giá trị đã khấu hao là 969.375.000 đồng, giá trị còn lại của tài sản cố định là 1.145.625.000 đồng.

21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại: USD	201.844,59	168.186,69
- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (hàng dự trữ quốc gia) - VNĐ	63.116.061.565	91.651.641.425

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Doanh thu từ bán thành phẩm, hàng hóa	219.743.705.307	303.087.906.206
<b>Cộng</b>	<b>219.743.705.307</b>	<b>303.087.906.206</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	92.500.000	-
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>219.651.205.307</b>	<b>303.087.906.206</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

*Đơn vị tính: VNĐ*

<b>Chi tiết Doanh thu thuần từ bán hàng:</b>		
Doanh thu từ bán vắc-xin sản xuất	86.505.465.529	93.598.298.241
Doanh thu từ bán sản phẩm dược sản xuất	46.202.376.772	101.187.350.010
Doanh thu từ bán vắc-xin nhập khẩu	86.943.363.006	108.302.257.955
<b>Cộng</b>	<b>219.651.205.307</b>	<b>303.087.906.206</b>
	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	155.491.179.955	177.293.627.010
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	6.227.935.781
<b>Cộng</b>	<b>155.491.179.955</b>	<b>183.521.562.791</b>
	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	696.519.110	1.977.885.313
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá thực hiện	286.459.855	399.108.883
<b>Cộng</b>	<b>982.978.965</b>	<b>2.376.994.196</b>
	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	256.892.379	378.149.957
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	86.547.841	-
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	1.172.883.965	1.078.366.640
<b>Cộng</b>	<b>1.516.324.185</b>	<b>1.456.516.597</b>
	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	2.421.767.000	2.510.669.195
- Chi phí khấu hao TSCĐ	950.960.640	950.960.640
- Hoa hồng bán hàng, khuyến mãi	15.437.849.155	18.962.923.150
- Bảo hành sản phẩm, hàng hóa/(hoàn nhập trích dự)	(19.673.591.385)	15.154.395.000
- Chi phí vận chuyển	4.254.738.180	3.924.680.006
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.779.127.111	9.080.442.863
- Chi phí bằng tiền khác	859.035.217	2.058.561.960
<b>Cộng</b>	<b>8.029.885.918</b>	<b>52.642.632.814</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	9.502.890.532	9.697.829.843
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.885.962.295	3.702.866.649
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.211.818.042	2.549.540.802
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(115.100.340)	(3.699.338.861)
- Tiền thuê đất, thuế phí và lệ phí	225.099.669	291.769.109
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.188.748.602	6.983.205.777
- Chi phí bằng tiền khác	5.166.926.177	3.185.746.372
<b>Cộng</b>	<b>24.066.344.977</b>	<b>22.711.619.691</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	25.656.574	468.636.364
- Thu nhập từ cho thuê kho	2.400.000.000	1.636.363.636
- Thu nhập khác	75.189.404	12.577.361
<b>Cộng</b>	<b>2.500.845.978</b>	<b>2.117.577.361</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
- Tiền phạt vi phạm hành chính	3.500.000	16.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.500.000</b>	<b>16.000.000</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.027.795.215	47.234.145.870
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	16.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>34.027.795.215</b>	<b>47.250.145.870</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này</b>	<b>6.805.559.043</b>	<b>9.450.029.174</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.805.559.043</b>	<b>9.450.029.174</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.222.236.172	37.784.116.696
Trừ: Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.874.558.566)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	21.347.677.606	37.784.116.696
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	15.963.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.334</b>	<b>2.367</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	101.311.193.560	115.897.212.361
- Chi phí nhân công	28.670.995.700	30.870.892.543
- Chi phí khấu hao	27.057.719.692	26.260.649.768
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.753.207.384	28.428.971.831
- Chi phí khác	21.428.378.959	44.456.875.532
<b>Cộng</b>	<b>201.221.495.295</b>	<b>245.914.602.035</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest	Đầu tư dài hạn
Công ty Cổ phần NDC An Khang	Đầu tư dài hạn
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	426.050.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	772.853.000

**2. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

**4. Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm. Báo cáo chính yếu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh dược, bộ phận kinh doanh vắc-xin tự sản xuất, bộ phận kinh doanh vắc-xin nhập khẩu. Thông tin báo cáo bộ phận năm nay như sau:

**a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2021**

Chỉ tiêu	Kinh doanh dược	Kinh doanh vắc-xin sản xuất	Kinh doanh vắc-xin nhập	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	46.202.376.772	86.505.465.529	86.943.363.006	219.651.205.307
2. Giá vốn hàng bán	38.620.139.790	58.788.748.295	58.082.291.870	155.491.179.955
<b>3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.582.236.982</b>	<b>27.716.717.234</b>	<b>28.861.071.136</b>	<b>64.160.025.352</b>
- Tài sản không phân bổ				863.647.291.718
<b>Tổng tài sản</b>				<b>863.647.291.718</b>
- Nợ phải trả không phân bổ				519.556.351.207
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>519.556.351.207</b>

**b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2020**

Chỉ tiêu	Kinh doanh dược	Kinh doanh vắc-xin sản xuất	Kinh doanh vắc-xin nhập	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	101.187.350.010	93.598.298.241	108.302.257.955	303.087.906.206
2. Giá vốn hàng bán	74.120.634.702	50.981.604.595	58.419.323.494	183.521.562.791
<b>3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>27.066.715.308</b>	<b>42.616.693.646</b>	<b>49.882.934.461</b>	<b>119.566.343.415</b>
- Tài sản không phân bổ				949.852.898.605
<b>Tổng tài sản</b>				<b>949.852.898.605</b>
- Nợ phải trả không phân bổ				606.608.291.312
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>606.608.291.312</b>

**5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Đỗ Thị Hải Thanh

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2021



Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Phạm Quang Thái

Tổng Giám đốc